

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/DS-ST
Ngày: 13-01-2022
V/v “*Tranh chấp chia
di sản thừa kế theo pháp luật*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Giáo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhân

2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2021/QĐXX-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021, Thông báo hoãn phiên tòa số 316/TB-TA ngày 06 tháng 12 năm 2021, Thông báo phiên tòa sơ thẩm số 357/TB-TA ngày 13 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 442/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1967; Địa chỉ: 71 T, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn T, xã A, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1950; Địa chỉ: Đội H, thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn T, xã A, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

3. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1965; Địa chỉ: 05 N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

4. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

5. Anh Trần Văn M, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp S, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Trần Thị H trình bày:** Cha là Trần C (chết 13/11/2003), mẹ là Nguyễn Thị B (chết 09/7/2000), cha mẹ chết không lập di chúc. Cha mẹ có 06 người con chung gồm: Trần Thị Ngọc C, Trần Thị Ngọc L, Trần Thị Thanh P, Trần Thị Thanh T, Trần Thị H, Trần Thị H1. Cha mẹ không có con nuôi, con riêng. Ông bà nội chết trước cha, ông bà ngoại chết trước mẹ.

Tài sản cha mẹ để lại là nhà, đất tại số 114 đường N, khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định số thửa 1209, tờ bản đồ số 3, diện tích 228m². Ngôi nhà do cha mẹ xây năm 1995, sau khi cha mẹ chết nhà không người quản lý. Năm 2020, bà Trần Thị Thanh P có lợp tole sửa lại nhà bếp. Thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cha mẹ còn có hai thửa ruộng: Thửa ruộng số 17 diện tích 1801m², thửa ruộng số 27 diện tích 975m² tờ bản đồ số 5, khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định. Cha mẹ không có vào hợp tác xã, là hộ cá thể nên hai thửa ruộng này không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện hai thửa ruộng do bà Trần Thị Thanh P canh tác.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế nhà, đất thổ cư và đất ruộng của cha mẹ theo quy định pháp luật. Phần được chia của bốn chị em là Trần Thị H, Trần Thị Ngọc L, Trần Thị Thanh T, Trần Thị H1 đã thống nhất nhập chung lại làm nhà từ đường thờ cúng cha mẹ. Phần thừa kế của bà Trần Thị Thanh P thì chị em sẽ thanh toán giá trị. Nếu bà Trần Thị Ngọc C đồng ý như bốn chị em thì cùng nhau giữ lại nhà đất để thờ cúng cha mẹ, trường hợp bà C yêu cầu chia thì sẽ thanh toán giá trị. Phần đất ruộng yêu cầu chia đều cho 06 chị em.

*** Bị đơn bà Trần Thị Thanh P trình bày:** Thống nhất như lời trình bày của bà Trần Thị H về mối quan hệ gia đình.

Nhà, đất tại số 114 đường N, khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định số thửa 1209, tờ bản đồ số 3, diện tích 228m² do cha mẹ tạo lập. Thửa đất thổ cư chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngôi nhà do cha mẹ xây năm 1995, sau khi cha mẹ chết nhà do bà quản lý. Năm 2014, bà xây hàng rào. Năm 2020, bà sửa nhà bếp, sơn lại tường nhà.

Cha mẹ còn có hai thửa ruộng: Thửa ruộng số 17 diện tích 1801m², thửa ruộng

số 27 diện tích 975m² tờ bản đồ số 5, khu vực T, phường H, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Hai thửa ruộng này cha mẹ không vào hợp tác xã, là hộ cá thể nên không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện hai thửa ruộng do bà canh tác.

Bà Trần Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà không đồng ý, yêu cầu giao ngôi nhà do cha mẹ xây dựng và thửa đất tại số 114 đường N, phường H cho bà để làm nơi thờ cúng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H1 trình bày:** thống nhất như lời trình bày và ý kiến của nguyên đơn Trần Thị H, chia phần thừa kế cho bà Trần Thị Thanh P, Phần thừa kế của các chị em cùng làm nơi thờ cúng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn M trình bày:** Anh là con ruột bà Trần Thị Thanh P. Anh ở với ông bà ngoại từ khi sinh ra cho đến khi ông bà ngoại mất tại ngôi nhà số 114 đường N, khu vực T, phường H. Năm 2008, do công việc nên anh chuyển đến sống ở huyện X, Đồng Nai. Anh không biết ông bà ngoại lập di chúc. Khi ông bà ngoại mất mẹ mở tủ của ông bà ngoại thấy 02 tờ di chúc thì mẹ cất giữ, không có đưa cho anh xem nên anh cũng không rõ hình thức, nội dung di chúc cụ thể như thế nào, chỉ nghe mẹ nói là ông bà ngoại lập di chúc để lại nhà đất cho anh. Anh không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị H vì tài sản của ông bà ngoại đã lập di chúc cho anh.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tranh chấp, không bổ sung yêu cầu, không có yêu cầu phản tố.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên

Tòa:

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc C, Trần Thị Ngọc L, Trần Thị Thanh T, Trần Thị H1, chia di sản thừa kế theo pháp luật cho bị đơn Trần Thị Thanh P bằng kỹ phân giá trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tài sản của cha mẹ với bà Trần Thị Thanh P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện

phù hợp với quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Tài sản tranh chấp và bị đơn đều ở tại thị xã An Nhơn nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc C.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/4/2021, bị đơn Trần Thị Thanh P gửi đơn khiếu nại về việc áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu tranh chấp chia di sản thừa kế của nguyên đơn Trần Thị H. Bà Trần Thị Thanh P viện dẫn điểm a tiểu mục 2.4 mục 2 phần I Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 để cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cha mẹ bà.

[4] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 01/TLKT-BS và số 02/TLKT-BS cùng ngày 15/01/2021 của UBND phường H thì cụ Trần C (sinh năm 1920, chết ngày 13/11/2003), cụ Nguyễn Thị B (sinh năm 1924, chết ngày 09/7/2000). Tính đến ngày nguyên đơn Trần Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế (ngày 16/02/2021) theo quy định về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Bà Trần Thị Thanh P viện dẫn Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về thời hiệu đối với trường hợp áp dụng pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Bộ luật dân sự năm 2005 đã hết hiệu lực thi hành.

[5] Tại Án lệ số 26/2018/AL của Tòa án nhân dân tối cao: Việc xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với giao dịch dân sự xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành thời hiệu được áp dụng theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Ngày 23/4/2021, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã có văn bản số 65/CV-TA trả lời đơn khiếu nại của bà Trần Thị Thanh P và từ khi nhận văn bản trả lời, bà Trần Thị Thanh P không có ý kiến gì.

[7] Xác định thời điểm mở thừa kế, người thừa kế: Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 01/TLKT-BS và số 02/TLKT-BS cùng ngày 15/01/2021 của UBND phường Nhơn Hưng thì cụ Trần C (sinh năm 1920, chết ngày 13/11/2003), cụ Nguyễn Thị B (sinh năm 1924, chết ngày 09/7/2000) nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ Nguyễn Thị B là ngày 09/7/2000; thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ Trần C là ngày 13/11/2003. Cụ Trần C và cụ Nguyễn Thị B có 06 người con chung: Trần Thị Ngọc C, Trần Thị Ngọc L, Trần Thị Thanh P, Trần Thị Thanh T, Trần Thị H, Trần Thị H1, không có con nuôi, con riêng. Tất cả những người này đều là người thừa kế thuộc

hàng thừa kế thứ nhất di sản của cụ Trần C và cụ Nguyễn Thị B.

[8] Ngày 12/4/2021, bà Trần Thị Thanh P cung cấp chứng cứ gồm “Tờ di chúc trước khi vợ chồng tôi qua đời” đề ngày 08/01/1999 và “Tờ di chúc gia sản” đề ngày 26/4/1999. Bà Trần Thị Thanh P và anh Trần Văn M (con trai bà P) cho rằng hai văn bản di chúc này là của cha mẹ bà lập để lại tài sản cho Trần Văn M. Xét hình thức, nội dung hai văn bản trên: Văn bản ngày 08/01/1999 do ông Nguyễn Ngọc C viết hộ, không có chữ ký người viết hộ, người lập di chúc. Ông Nguyễn Ngọc C xác định đây chỉ là bản thảo, nhiều chỗ gạch bỏ, tẩy sửa. Văn bản ngày 26/4/1999 (chưa xác định người viết hộ) cũng là bản nháp, không có chữ ký người viết hộ, người lập di chúc, người làm chứng. Đối chiếu với quy định tại Điều 627 (hình thức của di chúc), Điều 631 (nội dung của di chúc), Điều 633 (Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng), Điều 634 (Di chúc bằng văn bản có người làm chứng) của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hai văn bản trên không có giá trị pháp lý, không phải là di chúc. Tại phiên tòa, bà Trần Thị Thanh P cũng xác định di chúc không hợp pháp, không yêu cầu chia theo di chúc.

[9] Nguyên đơn Trần Thị H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Ngọc C, Trần Thị Ngọc L, Trần Thị Thanh T, Trần Thị H1 khẳng định cha mẹ trước khi chết không có lập di chúc, nên tài sản của vợ chồng cụ Trần C, Nguyễn Thị B được chia thừa kế theo pháp luật.

[10] Theo văn bản số 54/UBND ngày 12/5/2021 của UBND phường Nhơn Hưng thì vợ chồng cụ Trần C, Nguyễn Thị B đăng ký kê khai sử dụng 3 thửa đất: Thửa số 1209 diện tích 288m² (gồm đất ở và đất vườn), thửa 17 diện tích 1801m² (đất lúa), thửa 27 diện tích 976m² (đất lúa) nhưng là hộ cá thể, không vào hợp tác xã, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo số liệu đo đạc của Hội đồng định giá thì thửa đất 1209 diện tích đang sử dụng 223,6m², thửa ruộng 17 diện tích đang sử dụng 1840,2m² và thửa ruộng 27 diện tích đang sử dụng 984,9m².

[11] Xác định di sản chia thừa kế: Ngoài 3 thửa đất trên, vợ chồng cụ Trần C, Nguyễn Thị B còn để lại một ngôi nhà có kết cấu tường xây gạch quét vôi, nền lát vữa xi măng, không trần, mái ngói + tole cấp loại N8 diện tích 50,8m² xây dựng trên thửa đất 1209.

[12] Giá trị tài sản được Hội đồng định giá tài sản ngày 13/7/2021 xác định như sau:

- Giá trị nhà: 50.352.060đ, tường rào 10.897.016đ. Bà Trần Thị Thanh P đã sơn sửa, bảo quản ngôi nhà, chi phí sửa chữa 7.496.400đ. Giá trị ngôi nhà là di sản thừa kế $(50.352.060đ - 7.496.400đ) = 42.405.660đ^{(1)}$

- Giá trị đất ở: $5.000.000đ/m^2 \times 200m^2 = 1.000.000.000đ^{(2)}$

- Giá trị đất trồng cây hàng năm: $3.000.000đ/m^2 \times 23,6m^2 = 70.800.000đ^{(3)}$

- Giá trị đất lúa: $328.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 2.825,1\text{m}^2 = 926.632.800\text{đ}^{(4)}$

Tổng giá trị tài sản chia thừa kế: (1) + (2) + (3) + (4) = 2.039.838.460đ.

[13] Phần tài sản riêng của bà Trần Thị Thanh P gồm chi phí sửa chữa nhà, xây dựng tường rào là 18.843.416đ.

[14] Di sản của vợ chồng cụ Trần C, Nguyễn Thị B để lại cho 06 người con, mỗi kỹ phần thừa kế theo quy định pháp luật là: Đất ở $200\text{m}^2/6 = 33,34\text{m}^2$; Đất trồng cây hàng năm $23,6\text{m}^2/6 = 3,93\text{m}^2$; Đất trồng lúa $2.825,1\text{m}^2/6 = 470\text{m}^2$; Giá trị nhà: $42.405.660\text{đ}/6 = 7.067.610\text{đ}$.

[15] Bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H và bà Trần Thị H1 cùng thống nhất nhập phần di sản được hưởng thừa kế thành sở hữu chung để làm nơi thờ cúng. Sự tự nguyện này phù hợp với quy định pháp luật, với đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[16] Kỹ phần thừa kế của bà Trần Thị Thanh P gồm $33,34\text{m}^2$ đất ở; $3,93\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm; 470m^2 đất trồng lúa. Theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tại Quyết định số 40/2014/UBND ngày 25/12/2014 về diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Định thì diện tích đất ở và đất trồng cây hàng năm chia theo kỹ phần thừa kế mà bà Trần Thị Thanh P được nhận không đủ điều kiện để chia hiện vật. Do đó, kỹ phần này sẽ được chia bằng giá trị như sau: Giá trị đất ở: $5.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 33,34\text{m}^2 = 166.700.000\text{đ}$; Giá trị đất trồng cây hàng năm: $3.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 3,93\text{m}^2 = 11.790.000\text{đ}$; Giá trị nhà: 7.067.610đ. Tổng cộng: 185.557.610đ.

[17] Phần thừa kế đất ruộng được chia bằng hiện vật cho 06 người thừa kế. Diện tích hiện đang sử dụng 2 thửa ruộng là $1840,2\text{m}^2 + 984,9\text{m}^2 = 2825,1\text{m}^2$, mỗi kỹ phần thừa kế được chia 470m^2 đủ điều kiện để tách thửa theo Quyết định số 40/2014/UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

[18] Tổng cộng, bà Trần Thị Thanh P được chia thừa kế: 470m^2 đất trồng lúa, 185.557.610đ và được hoàn trả 18.843.416đ tiền tu sửa nhà, xây dựng tường rào. Khoản tiền được nhận thừa kế và được hoàn trả của bà Trần Thị Thanh P buộc bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H và bà Trần Thị H1 cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán, mỗi người phải thanh toán 40.880.205đ.

[19] Từ sau ngày vợ chồng cụ Trần C, Nguyễn Thị B chết thì ngôi nhà của vợ chồng cụ do bà Trần Thị Thanh P quản lý. Mặc dù bà Trần Thị Thanh P không trực tiếp sử dụng nhà đất nhưng cũng đã có công trong việc bảo quản, tôn tạo di sản. Lễ ra cần phải xem xét trích công sức cho bà Trần Thị Thanh P. Tuy nhiên, từ hơn 10 năm nay bà Trần Thị Thanh P trực tiếp canh tác sử dụng 2 thửa ruộng của cha mẹ hơn 2000m^2 , sản phẩm thu hoạch từ hai thửa ruộng này không dùng vào mục đích chung, bà sử dụng riêng nên xác định việc khai thác sử dụng 2 thửa ruộng đã đối trừ vào

quyền lợi được hưởng trong việc bảo quản di sản.

[20] Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội,

[20.1] Miễn án phí cho bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L vì là người cao tuổi.

[20.2] Các bà Trần Thị Thanh P, Trần Thị Thanh T, Trần Thị H, Trần Thị H1 mỗi người được nhận $2.039.838.460\text{đ}/6 = 339.973.000\text{đ}$ nên phải chịu án phí 5% trên giá trị tài sản được nhận là 16.998.000đ.

[21] Chi phí đo đạc định giá tài sản 3.000.000đ, bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 mỗi người phải chịu 500.000đ. Bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng nên buộc bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H1 mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị H 500.000đ.

[22] Ý kiến đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chia di sản thừa kế theo pháp luật phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 213, 219, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H và yêu cầu tranh chấp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H1.

2/ Xác định tài sản của vợ chồng cụ Trần C, Nguyễn Thị B gồm: ngôi nhà cấp loại N8 diện tích $50,8\text{m}^2$ xây dựng trên thửa đất số hiệu 1209, tờ bản đồ số 3 diện tích $223,6\text{m}^2$, hai thửa ruộng số hiệu 17, diện tích $1840,2\text{m}^2$ và thửa ruộng số 27, diện tích $984,9\text{m}^2$ thuộc tờ bản đồ số 6 tại khu vực T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định là di sản thừa kế chưa chia được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1.

3/ Giao cho bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 đồng sở hữu ngôi nhà cấp loại N8 diện tích $50,8\text{m}^2$ và đồng sử dụng thửa đất số hiệu 1209, tờ bản đồ số 3 diện tích $223,6\text{m}^2$ để làm di sản

dùng vào việc thờ cúng.

4/ Buộc bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 cùng có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần được hưởng thừa kế cho bà Trần Thị Thanh P **185.557.610đ** (một trăm tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm mười đồng) và chi phí sửa chữa, tu bổ di sản 18.843.416đ (mười tám triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm mười sáu đồng), tổng cộng số tiền phải thanh toán 204.410.026đ (hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm mười nghìn không trăm hai mươi sáu đồng). Chia phần bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 mỗi người có nghĩa vụ thanh toán **40.880.205đ (bốn mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn hai trăm lẻ năm đồng)**.

5/ Chia cho bà Trần Thị Thanh P được sử dụng 470m² thửa ruộng số 17. Diện tích còn lại của thửa ruộng số 17 là 1370,2m² và thửa ruộng số 27 diện tích 984,9m² thuộc quyền sử dụng chung của bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1.

6/ Không chấp nhận lời khai của bà Trần Thị Thanh P và anh Trần Văn M về việc vợ chồng cụ Trần C, Nguyễn Thị B đã lập di chúc cho tài sản cho anh Trần Văn M vì các tờ di chúc này là bản nháp và không có giá trị pháp lý.

7/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

7.1/ Miễn án phí cho bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L vì là người cao tuổi.

7.2/ Các bà Trần Thị Thanh P, Trần Thị Thanh T, Trần Thị H, Trần Thị H1, mỗi người phải chịu án phí 16.998.000đ (mười sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng). Bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng án phí 8.000.000đ (tám triệu đồng) theo biên lai thu số 0001553 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn nên bà Trần Thị H còn phải nộp 8.998.000đ (tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng).

7.3/ Chi phí đo đạc định giá tài sản 3.000.000đ (ba triệu đồng), bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 mỗi người phải chịu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng nên buộc bà Trần Thị Ngọc C, bà Trần Thị Ngọc L, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị H1 mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị H 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

8/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

9/ Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1/ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9.2/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Công Giáo